

## PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG – KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

**Phùng Thế Anh**

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: anhpt@hcmute.edu.vn

*Ngày nhận bài: 13/11/2020; ngày hoàn thành phản biện: 20/11/2020; ngày duyệt đăng: 20/11/2020*

### TÓM TẮT

Thế giới ngày nay đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề như tốc độ gia tăng dân số ngày càng cao, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,... đã đặt ra những bài toán thách thức đối với nền nông nghiệp toàn cầu. Phát triển nông nghiệp bền vững là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là đối với các nước đi lên từ kinh tế nông nghiệp để đạt được giá trị lớn hơn về kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội và hạn chế ô nhiễm môi trường.

Với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, khi gần 70 % cư dân sinh sống ở khu vực nông thôn và bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ một nền kinh tế nông nghiệp, việc tham khảo những kinh nghiệm thành công trong phát triển nông nghiệp bền vững của Trung Quốc, Thái Lan, Israel là hết sức quan trọng và cần thiết.

**Từ khóa:** Nông nghiệp, phát triển bền vững, Việt Nam.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển nông nghiệp bền vững ngày nay được thế giới xem như là một thước đo, một tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Nông nghiệp trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng luôn là một trong những trụ cột quan trọng để đảm bảo sự ổn định, là chỗ dựa vững chắc để các quốc gia vượt qua khó khăn, thử thách. Phát triển bền vững là yêu cầu khách quan và là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế không chỉ ở Việt Nam mà là của tất cả các quốc gia trên thế giới, không phân biệt trình độ phát triển hay đang phát triển.

Các cuộc khủng hoảng an ninh lương thực đã xảy ra trong lịch sử, và gần đây nhất là ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 từ cuối tháng 12/2019 đã làm cho quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa nông nghiệp bị giảm mạnh, chuỗi cung ứng lương thực

của thế giới bị đứt gãy vì ngành giao thông vận tải tê liệt do việc đóng cửa biên giới, thực hiện giãn cách xã hội của các nước và có nguy cơ đẩy thế giới vào tình trạng khủng hoảng an ninh lương thực nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các nước nghèo, kém phát triển. Do đó, “Phát triển nông nghiệp bền vững đang trở thành mối quan tâm toàn cầu khi thế giới cần phải đối mặt với thách thức trong 50 năm sản xuất ra lượng lương thực bằng 10 nghìn năm trước đây cộng lại nhằm nuôi sống dân số dự kiến vượt mốc 9,8 tỷ người vào năm 2050, trong khi tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng thể hiện rõ rệt” [3, tr. 4].

Sau 34 năm đổi mới (1986 - 2020), nông nghiệp Việt Nam đã đạt được rất nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa chiến lược, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước để đưa Việt Nam từ nước kém phát triển trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp thu hút vốn đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu và tiêu thụ hàng hóa nông sản, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ gen, công nghệ chế biến, bảo quản,... nhờ đó đã góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, năng suất lao động và giá trị xuất khẩu trong ngành nông nghiệp, nâng cao đời sống của người dân nông dân và góp phần xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, nông nghiệp Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém: Nông nghiệp vẫn là ngành kém phát triển hơn nhiều so với các ngành kinh tế khác như công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tình hình sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang đậm tính chất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán; năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa nông sản thấp; công nghệ sản xuất và chế biến nông sản còn lạc hậu; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm [4, tr. 253]; công tác quy hoạch sản xuất, sử dụng đất nông nghiệp, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường,... còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cản trở sự phát triển của ngành nông nghiệp nói riêng và toàn nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, khai thác tối đa lợi thế và tiềm năng của nông nghiệp Việt Nam thì phát triển nông nghiệp bền vững là xu hướng tất yếu, là con đường duy nhất để đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội và bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Để thực hiện thành công nền nông nghiệp phát triển bền vững, ngoài việc xây dựng các đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, việc tham khảo kinh nghiệm thành công trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững ở một số quốc gia trên giới là rất quan trọng và cần thiết.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững ở một số quốc gia trên thế giới

Khái niệm “phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên trong *Báo cáo về chiến lược bảo tồn thế giới* năm 1987 của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế: “Phát triển bền vững là sự phát triển của nhân loại không chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà cần phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội, sự tác động đến môi trường sinh thái” [6, tr. 13]. Đến năm 2002, Liên Hợp Quốc tổ chức *Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững* tại Johannesburg - Cộng hòa Nam Phi, đã đưa ra khái niệm hoàn chỉnh về phát triển bền vững: “Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển, đó là: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu và đời sống con người trong hiện tại, nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” [6, tr. 14].

Năm 1992, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đã đưa ra khái niệm về “phát triển nông nghiệp bền vững”. Theo FAO, “phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình quản lý và duy trì sự thay đổi về tổ chức, kỹ thuật và thể chế cho nông nghiệp phát triển nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người về nông phẩm và dịch vụ vừa đáp ứng nhu cầu của mai sau” [7, tr. 440].

Ở Việt Nam, có nhiều học giả cũng đã đưa ra khái niệm “phát triển nông nghiệp bền vững”. Theo tác giả Đỗ Kim Chung và cộng sự, “phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình đảm bảo hài hòa ba nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, thỏa mãn nhu cầu về nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của tương lai” [1, tr. 32].

Tác giả Phạm Doãn cho rằng: Phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình đa chiều, bao gồm: (1) Tính bền vững của chuỗi lương thực (từ người sản xuất đến tiêu thụ, liên quan trực tiếp đến cung cấp đầu vào, chế biến và thị trường); (2) Tính bền vững trong sử dụng tài nguyên đất và nước về không gian và thời gian; (3) Khả năng tương tác thương mại trong tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn để đảm bảo cuộc sống đủ, an ninh lương thực trong vùng và giữa các vùng [1, tr. 32].

Như vậy, có thể hiểu phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình phải đảm bảo được mục đích của nền sản xuất nông nghiệp trong một hệ thống bền vững trên cả ba mặt là bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường, nhằm không chỉ đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của thế hệ ở hiện tại mà còn đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai, gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nông dân.

Việt Nam là một nước nông nghiệp đang trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong công cuộc

đổi mới đất nước hiện nay, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn cả đối với sự ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh của đất nước.

Trung Quốc, Thái Lan và Israel với những quan điểm, định hướng và chính sách đúng đắn đã rất thành công trong quá trình phát triển nền nông nghiệp bền vững, thể hiện trên một số vấn đề cụ thể như sau:

### 2.1.1. Về chính sách quản lý và sử dụng đất nông nghiệp ở Trung Quốc

*Trung Quốc* là quốc gia đông dân nhất thế giới và đồng thời cũng là nước sản xuất nông nghiệp lớn nhất trên thế giới với hơn 300 triệu nông dân đang sinh sống và làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Mặc dù là quốc gia có diện tích lớn hàng thứ tư thế giới (9.596.961 km<sup>2</sup>), nhưng Trung Quốc chỉ có khoảng 10% diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp và diện tích đất này ngày càng giảm do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hình thành sa mạc. Theo số liệu chính thức của Bộ Tài Nguyên Trung Quốc, tổng diện tích đất nông nghiệp của nước này giảm xuống còn 134,86 triệu ha trong năm 2017, tương đương giảm 60.900ha so với năm 2016. Trong khi đó, diện tích đất sử dụng cho xây dựng chạm mức 39,59 triệu ha, với 534.400ha bổ sung mới trong năm 2017 [11].

Do diện tích đất nông nghiệp nhỏ và ngày càng bị thu hẹp, để đảm bảo an ninh lương thực cũng như quyền lợi của người nông dân, Trung Quốc đã thực thi chế độ bảo vệ diện tích đất nông nghiệp nghiêm ngặt, bảo hộ quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của người nông dân thông qua việc thiết lập nền tảng pháp lý với hệ thống pháp luật đầy đủ và rõ ràng, mà có thể kể đến ở đây là *Luật bảo vệ đất nông nghiệp cơ bản* (được thông qua năm 1994). Luật Bảo vệ đất nông nghiệp cơ bản quy định những khu vực bảo vệ đất nông nghiệp cơ bản ở cấp thị trấn và nghiêm cấm các hành vi chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở các khu vực này cho các mục đích phi nông nghiệp. Luật này yêu cầu chính quyền Trung ương phải xác định rõ các chỉ tiêu bảo tồn đất nông nghiệp trước khi giao cho chính quyền địa phương quản lý, để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý đất nông nghiệp. Luật cũng quy định có hai loại khu vực bảo vệ đất nông nghiệp cơ bản: *Cấp thứ nhất* gồm có đất nông nghiệp chất lượng và năng suất cao không thể thay thế được bằng các mục đích phi nông nghiệp khác. *Cấp thứ hai* là đất nông nghiệp chất lượng tốt với năng suất khá có thể được chuyển đổi sang các mục đích phi nông nghiệp, thường sau một giai đoạn được dự trù từ 5 đến 10 năm. Luật còn quy định thêm: “(1) Nếu việc chuyển đổi đất trong phạm vi khu vực bảo tồn đất nông nghiệp là không thể tránh khỏi để xây dựng các dự án quốc gia như đường cao tốc, sản xuất năng lượng hay giao thông, chính phủ bắt buộc phải phê chuẩn việc chuyển đổi các lô đất lớn hơn 33 hecta và chính quyền tỉnh phải phê chuẩn những lô đất nhỏ hơn 33 hecta; và (2) Số đất nông nghiệp bị mất vì chuyển đổi phải được thay thế bằng đất nông nghiệp ở một nơi khác” [1, tr. 61].

Trung Quốc cũng đã thay đổi thời hạn quyền sử dụng đất cho người nông dân từ 30 năm lên 70 năm và quy định rõ người nông dân được phép sang nhượng, trao đổi, cho thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình, miễn là đảm bảo không dẫn đến việc chuyển mục đích sử dụng của đất nông nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi của người nông dân, luật pháp Trung Quốc quy định: “Khi trưng thu đất đai thì phải bồi thường theo hiện trạng sử dụng đất. Chi phí bồi thường bao gồm tiền bồi thường đất, tiền trợ giúp an cư tính theo số nhân khẩu của hộ gia đình và tiền hoa màu. Tiền bồi thường đất bằng 6 – 10 lần, còn tổng số tiền trợ giúp an cư tối đa không quá 15 lần giá trị trung bình sản lượng hàng năm của 3 năm trước trưng thu” [1, tr. 63].

Nhờ những quy định này mà Trung Quốc có thể đảm bảo giữ được diện tích đất nông nghiệp trước sức ép của tiến trình đô thị hóa ngày càng nhanh, giúp cho nông nghiệp Trung Quốc ngày càng phát triển, là điểm tựa và có đóng góp to lớn để đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc với nền kinh tế đứng hàng thứ hai thế giới hiện nay.

#### 2.1.2. Về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp của Trung Quốc và Thái Lan

*Trung Quốc* đã tiến hành công cuộc cải cách, mở cửa đất nước từ năm 1978, nhờ chính sách đúng đắn về thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào nền kinh tế nói chung và vào nông nghiệp nói riêng, mà nước này đã thu hút được nguồn vốn đầu tư rất lớn, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nền kinh tế Trung Quốc.

Để thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp, Trung Quốc đã tiến hành triển khai công tác xúc tiến đầu tư ở nhiều nước trên thế giới, đồng thời xây dựng chính sách ưu tiên để hướng dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực chủ chốt mà nước này còn hạn chế, như công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông sản,... để có thể tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao và giá trị gia tăng lớn trên thị trường thị giới.

Đồng thời, Trung Quốc cũng cho xây dựng và thành lập các quỹ đầu tư nông nghiệp, biến các quỹ này trở thành công cụ chính sách để thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là ở khu vực kinh tế tư nhân. “Các quỹ này được khuyến khích xây dựng các mô hình quản lý đầu tư mới, hiệu quả cao. Nhà nước chia sẻ rủi ro bằng các chính sách về thuế, dịch vụ bảo hiểm. Các chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã được gia hạn, đặc biệt đối với các các tổ chức tài chính cấp huyện được ưu đãi lớn về thuế thu nhập doanh nghiệp” [1, tr. 70].

*Thái Lan* cũng là một nước nông nghiệp và nền nông nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia này. Những năm qua, ngành nông nghiệp Thái Lan phát triển mạnh, tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp bình quân hàng năm là 3,1%. Sản lượng nông nghiệp trong nước không chỉ đáp ứng nhu cầu nội địa mà còn mang lại nguồn thu ngân sách đáng kể cho Thái Lan thông qua hoạt động xuất khẩu.

Theo các chuyên gia kinh tế, nông nghiệp là một lĩnh vực quan trọng ở Thái Lan và tạo ra việc làm nhiều nhất cho dân cư nông thôn của nước này. Ngành nông nghiệp Thái Lan thu hút khoảng 40% lực lượng lao động và đóng góp gần 10% GDP [12].

Để thu hút vốn FDI và vốn đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân, Chính phủ Thái Lan đã ban hành Luật Xúc tiến Thương mại với nhiều quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm cho các ngành, các cơ quan nhà nước ở Thái Lan trong việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Thái Lan cũng xây dựng các chính sách về tài chính tiền tệ với nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư như miễn giảm thuế, ưu đãi cho vay ngoại tệ để thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Các nhà đầu tư sẽ được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư cao nhất từ Chính phủ Thái Lan nếu đầu tư vào các khu vực nông thôn, các vùng sâu vùng xa để nhằm giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển ở Thái Lan.

Nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản, Chính phủ Thái Lan cũng ban hành Luật Xúc tiến Đầu tư (2001), đưa ra những chính sách ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hoạt động đầu tư trong nước và ngoài nước theo lãnh thổ với ba khu vực ưu đãi khác nhau: Các dự án đầu tư vào khu vực 1 được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm; khu vực 2 là 3 năm, đồng thời có thể được gia hạn đến 5 năm; và ưu đãi cao nhất nếu đầu tư vào khu vực 3 là 8 năm. Ngoài ra, Thái Lan cũng dần chuyển đổi chính sách ưu đãi đầu tư từ chỉ ưu đãi thuế đơn thuần sang chính sách ưu đãi thuế trọn gói bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp, lao động, được giải quyết các thủ tục cấp phép đầu tư trong thời gian ngắn nhất, đồng thời cung ứng nguồn lao động có trình độ tay nghề cao, cung cấp cơ sở hạ tầng đồng bộ và quan trọng nhất là cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư [5, tr. 15-30].

### 2.1.3. Về đầu tư và thu hút đầu tư cho khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp của Israel

Israel là một quốc gia nhỏ ở khu vực Trung Đông với diện tích khoảng 22.072 km<sup>2</sup> (xếp thứ 150 thế giới về diện tích và chỉ bằng 1/15 diện tích của Việt Nam). Ở Israel, tính đến năm 2014, tổng diện tích đất có thể sản xuất nông nghiệp khoảng 5.500 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 24,2% tổng diện tích tự nhiên của nước này, phần còn lại là rừng, sa mạc và đồi dốc khô cằn. Hiện nay, nông nghiệp chiếm 2,5% tổng GDP và 3,6% giá trị xuất khẩu. Mặc dù lao động trong nông nghiệp chỉ chiếm 3,7% tổng lực lượng lao động trong nước, Israel tự sản xuất được 95% nhu cầu thực phẩm, phần còn lại được bổ sung từ việc nhập khẩu ngũ cốc, các loại hạt lấy dầu, thịt, cà phê, ca cao, đường [13]. Nền nông nghiệp của Israel là kết quả của tới 95% công nghệ và chỉ có 5% lao động, vì thế, mặc dù 75% diện tích đất là sa mạc và chỉ có 2,5% dân số làm nông nghiệp nhưng với những chính sách đầu tư phát triển khoa học và công nghệ mạnh mẽ, Israel đã trở thành một trong những cường quốc xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, sở hữu nền khoa học nông nghiệp hiện đại bậc nhất [3, tr. 23]. Hiện nay, giá trị sản lượng ngành nông nghiệp của Israel chiếm 2,5% tổng GDP và 3,6% giá trị xuất khẩu, với kim ngạch xuất khẩu đạt

khoảng 5 tỷ USD mỗi năm và trở thành một trong những nước hàng đầu thế giới về xuất khẩu nông sản.

Mặc dù có diện tích đất canh tác nông nghiệp nhỏ và điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhưng với việc đề ra những chính sách phát triển nông nghiệp hợp lý, sáng tạo và phù hợp với điều kiện tự nhiên của mình mà Israel được thế giới mệnh danh là “*thung lũng Silicon*” trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghệ nước. Một trong những chính sách phát triển nông nghiệp của Israel là tăng cường đầu tư và thu hút đầu tư cho khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp. Chính sách này của Israel tập trung vào hai lĩnh vực chính là đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); và đầu tư cho các nghiên cứu phục vụ nông nghiệp.

Hoạt động R&D của Israel được thực hiện chủ yếu thông qua từ nguồn vốn ngân sách của Chính phủ và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Năm 2011, “tổng số kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và triển khai từ ngân sách ở Israel chiếm khoảng 4,4 %GDP, tương đương khoảng 10,8 tỷ USD” [9]. Trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thì dòng vốn này chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như công nghệ thông tin, thiết kế phần mềm, bán dẫn, y học; đồng thời một phần dòng vốn này cũng tập trung đầu tư vào các dự án công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh, hệ thống tưới tiêu, phân bón, hệ thống nhà kính,... để phục vụ trực tiếp cho việc phát triển nông nghiệp.

Người nông dân Israel có khẩu hiệu nổi tiếng là “Nếu muốn phát triển nông nghiệp và nông thôn, hãy đầu tư và ứng dụng các kỹ thuật hiện đại”. Do đó, bên cạnh hoạt động R&D, Chính phủ Israel cũng tập trung đầu tư mạnh mẽ cho các nghiên cứu phục vụ nông nghiệp. Israel cũng là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới về mức đầu tư kinh phí cho hoạt động R&D “với khoảng 100 triệu USD mỗi năm, chiếm khoảng 3% tổng sản lượng nông nghiệp quốc gia. Nguồn đầu tư này đến từ ngân sách quốc gia và cộng đồng (50 triệu USD/năm), các hợp tác quốc gia song phương (12 triệu USD/năm), các tổ chức nông nghiệp cấp địa phương (6 triệu USD/năm) thông qua nguồn lợi từ thu hoạch cây trồng. Khu vực tư nhân cũng đóng góp 25 triệu USD hàng năm” [1, tr. 162].

Và một trong những kết quả lớn nhất của hoạt động R&D và đầu tư mạnh cho nghiên cứu phục vụ nông nghiệp ở Israel là khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, nhờ đó các tiến bộ khoa học và công nghệ đã được áp dụng vào quá trình sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng, thúc đẩy xuất khẩu nông sản và đưa Israel trở thành một trong những quốc gia có nền nông nghiệp tiên tiến nhất thế giới.

#### 2.1.4. Về xây dựng chính sách bảo hiểm nông nghiệp của Israel và Thái Lan

Nông nghiệp là ngành sản xuất phải đối mặt với rất nhiều rủi ro do thiên tai, biến đổi khí hậu và các hoạt động của con người gây ra. Trong khi đó, nông dân là bộ

phận dễ bị tổn thương trong nền kinh tế khi tiềm lực tài chính của họ rất hạn chế, vì thế khi xảy ra các sự cố trong sản xuất nông nghiệp thì nguy cơ trắng tay và thiếu vốn để tái đầu tư vào sản xuất là rất lớn. Do đó, đòi hỏi các quốc gia muốn phát triển bền vững nông nghiệp cần phải xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính để hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp, mà cụ thể ở đây là xây dựng chính sách bảo hiểm nông nghiệp. Trong những năm qua, Israel và Thái Lan là những nước đã xây dựng và triển khai thành công chính sách bảo hiểm nông nghiệp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững.

Israel đã xây dựng và vận hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp thông qua *Các quỹ bảo hiểm rủi ro thiên nhiên trong nông nghiệp* (Natural Damage in Agriculture Fund) được thành lập vào năm 1967 và được gọi là KANAT. KANAT là tổ chức hoạt động như một doanh nghiệp và thuộc sở hữu của Chính phủ Israel. Mục đích chính của KANAT là để nhằm chia sẻ rủi ro trong sản xuất nông nghiệp giữa nhà nước và người nông dân thông qua chính sách bảo hiểm. Nguồn vốn để triển khai KANAT chủ yếu đến từ ngân sách của Chính phủ Israel, nhờ đó Chính phủ có thể trợ giá một phần phí bảo hiểm và hỗ trợ các chương trình bảo hiểm nhằm đảm bảo cho người nông dân một công cụ tốt nhất và phù hợp nhất để bảo vệ họ trong sản xuất nông nghiệp. “Hiện KANAT có 2 chương trình bảo hiểm đang hoạt động: bảo hiểm thiên tai (NDI) và bảo hiểm đa rủi ro (MPCI), bao gồm cả thiệt hại nhiều năm đến cây cối, ảnh hưởng đến sản lượng trong tương lai. Cả hai loại bảo hiểm này đều hoạt động trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp với sự hợp tác đầy đủ của các đoàn thể nông dân Israel và của chính phủ” [3, tr. 25]. Trong trường hợp xảy ra rủi ro, KANAT và những người nông dân bị thiệt hại sẽ làm việc trực tiếp với nhau để xác định mức độ thiệt hại và việc bồi thường thiệt hại sẽ dựa trên hợp đồng bảo hiểm của người nông dân, tiền bồi thường sẽ được trả trực tiếp cho người nông dân bị ảnh hưởng, đảm bảo công bằng và minh bạch.

Thái Lan đã thiết lập hệ thống bảo đảm rủi ro cho nông dân từ rất sớm. Năm 1978, Chính phủ Thái Lan đã xây dựng chương trình bảo hiểm cây trồng, mà cụ thể ở đây là cho người trồng bông, để giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra thông qua sự hợp tác giữa nhà nước với các doanh nghiệp bảo hiểm tư nhân. Đến năm 1990, chương trình bảo hiểm này được mở rộng thêm cho các cây ngô, lúa và đậu tương. Hiện nay, Chính phủ Thái Lan thực thi chính sách bảo hiểm nông nghiệp cho mọi đối tượng nông dân và phạm vi bảo hiểm cũng được mở rộng ra cho các cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp,... Khi thiệt hại xảy ra, người nông dân sẽ được các doanh nghiệp bảo hiểm đưa ra “mức bồi thường chiếm từ 60 – 90% của sản lượng trung bình” [1, tr. 132]. Và cũng giống như Israel, nguồn vốn chủ yếu để thực hiện chính sách bảo hiểm này đến từ ngân sách của Chính phủ Thái Lan. Hệ thống đảm bảo rủi ro cho sản xuất nông nghiệp của Thái Lan đã hoạt động rất hiệu quả và nhờ đó người nông dân Thái Lan đã có một điểm tựa vững chắc để yên tâm đầu tư và mở rộng sản xuất nông nghiệp.



## 2.2. Bài học kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp bền vững của Trung Quốc, Thái Lan và Israel đối với Việt Nam

Những kinh nghiệm thành công của các quốc gia Trung Quốc, Thái Lan và Israel trong phát triển nông nghiệp bền vững là những bài học kinh nghiệm quý giá có thể vận dụng vào quá trình xây dựng và phát triển ngành nông nghiệp của nước ta một cách hiện đại, bền vững. Từ thực tế chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của Trung Quốc, Thái Lan và Israel có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam như sau:

### *Thứ nhất, về quy hoạch và quản lý sử dụng đất nông nghiệp*

Việt Nam được đánh giá là quốc gia dồi dào về nguồn tài nguyên nước, trong khi đó nguồn tài nguyên đất nông nghiệp lại khá thấp và khan hiếm. “Tổng diện tích đất nông nghiệp tăng 61% giai đoạn 1990 - 2012 (chủ yếu do chuyển đổi đất rừng). Từ năm 2012-2015 diện tích đất canh tác tương đối ổn định. Trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm, Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ phân mảnh đất đai cao nhất so với khu vực và thế giới. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người trên thế giới là 0,52 hecta, trong khu vực là 0,36 hecta thì ở Việt Nam là 0,25 hecta. Đất sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Mỗi năm có khoảng 70.000 hecta đất nông nghiệp bị lấy để xây dựng đô thị, phát triển công nghiệp trong giai đoạn 1996 - 2010. Vì vậy, đất nông nghiệp tính bình quân đầu người đã bị giảm xuống còn 900 m<sup>2</sup>, trong đó đất trồng lúa chỉ còn 465 m<sup>2</sup> (2011)” [3, tr. 35].

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng diện tích đất đai của Việt Nam là 33.123.600 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam là 27.289.400 ha, chiếm khoảng 82,4% tổng diện tích đất của cả nước [10, tr. 49]. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm dần để phục vụ cho các mục đích phi nông nghiệp; quá trình quy hoạch và quản lý sử dụng đất nông nghiệp ở nước ta hiện nay thể hiện rõ tư duy sản xuất nhỏ, đất đai bị phân tán, manh mún dẫn đến lợi nhuận thu được từ sản xuất nông nghiệp bấp bênh, không ổn định và gặp rất nhiều rủi ro do biến đổi khí hậu; ở một số địa phương vẫn còn tình trạng giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất không đúng thẩm quyền; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, chưa theo kịp giá cả thị trường dẫn đến tình trạng khiếu kiện về đất đai của người dân ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp đe dọa tình hình an ninh trật tự của xã hội.

Thực trạng trên đòi hỏi Việt Nam phải có chính sách quy hoạch và quản lý sử dụng đất nông nghiệp hợp lý để bảo vệ diện tích đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

- Nhà nước cần ban hành hệ thống pháp luật về đất đai đầy đủ, đồng bộ và thống nhất để đảm bảo quyền và nghĩa của người sử dụng đất, góp phần sử dụng hiệu quả tài

nguyên đất đai. Hệ thống pháp luật về đất đai này cần học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc để quy định rõ thành 02 loại khu vực bảo vệ đất nông nghiệp, trong đó: khu vực 1 là các khu vực đất nông nghiệp tạo ra chất lượng và năng suất cao cần phải được bảo vệ nghiêm ngặt, nghiêm cấm mọi hành vi chuyển đổi mục đích sử dụng; và khu vực 2 là các khu vực đất nông nghiệp có chất lượng và năng suất thấp hơn có thể được chuyển đổi mục đích sử dụng để nâng cao hệ số giá trị sử dụng đất. Và để hạn chế việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, cần nghiên cứu xây dựng các sắc thuế với mức đóng thuế cao và đủ mạnh để ngăn chặn việc chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất phi nông nghiệp có phần dễ dãi như hiện nay.

- Nhà nước cần nghiên cứu tăng thêm thời gian giao đất và mở rộng diện tích giao đất cho người nông dân lên trên 50 năm và có thể kéo dài đến 70 năm như ở Trung Quốc để người nông dân yên tâm sử dụng, đầu tư và phát triển sản xuất trên diện tích đất nông nghiệp được giao; đồng thời cho phép người nông dân được tự chủ sử dụng quyền sử dụng đất để trao đổi, sang nhượng hoặc cho thuê phù hợp với các quy định của pháp luật. Hiện nay, Luật Đất đai năm 2013 đã nâng thời hạn sử dụng đất nông nghiệp từ 20 năm lên 50 năm và mở rộng hạn mức giao đất nông nghiệp từ 3 ha lên 30 ha.

- Do diện tích đất nông nghiệp bình quân theo đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, quy mô đất nông nghiệp của các hộ gia đình rất nhỏ: “Hiện cả nước có trên 10 triệu hộ nông dân với khoảng 70 triệu thửa ruộng, tính bình quân mỗi hộ có từ 3 – 8 thửa” [8]. Thực trạng này đã dẫn đến quy mô sản xuất nhỏ bé, phân tán, nhỏ lẻ, manh mún trong sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình. Nhà nước cần có cơ chế, chính sách ưu đãi để khuyến khích người dân tích tụ ruộng đất để đưa sản xuất nông nghiệp ở nước ta lên quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, bền vững, đảm bảo và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Nhà nước cần hạn chế tối đa việc thu hồi đất nông nghiệp đã giao cho người nông dân sản xuất để phục vụ cho các mục đích công nghiệp và đô thị hóa. Trong trường hợp phải thu hồi đất để phục vụ cho các mục đích quốc phòng – an ninh, phát triển kinh tế - xã hội thì cần phải có cơ chế bồi thường thỏa đáng về đất, bồi thường chi phí đầu tư và tài sản gắn liền với đất; đồng thời hỗ trợ chi phí về ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi nghề, hỗ trợ tái định cư,... Và mức bồi thường và hỗ trợ này phải cao hơn 6 – 10 lần so với giá trị đất bị thu hồi tính theo giá của thị trường.

#### *Thứ hai, về thu hút vốn đầu tư phát triển nông nghiệp*

Nông nghiệp là ngành kinh tế khó thu hút vốn đầu tư bởi vì hiệu quả đầu tư và lợi nhuận mang lại thấp hơn nhiều so với lợi nhuận từ các ngành kinh tế khác, lại luôn phải đối mặt với sự bất bình trong sản xuất do thiên tai, dịch bệnh và giá cả biến động thất thường; trong khi đó nguồn lực tại chỗ và nguồn lực của người nông dân rất yếu

kém. Tính đến ngày 31/12/2018, Việt Nam có 714.755 doanh nghiệp đang hoạt động [2, tr. 25]; trong đó: khu vực dịch vụ có 475.842 doanh nghiệp; khu vực công nghiệp và xây dựng có 228.047 doanh nghiệp; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có 10.766 doanh nghiệp [2, tr. 25], chỉ chiếm 1,76% tổng số doanh nghiệp của cả nước. Tổng số vốn sử dụng cho sản xuất kinh doanh của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2017 đạt 33 triệu tỷ đồng, trong đó: khu vực dịch vụ thu hút 21,3 triệu tỷ đồng (chiếm 64,6%); khu vực công nghiệp và xây dựng thu hút 11,3 triệu tỷ đồng (chiếm 34,4%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút 332,2 nghìn tỷ đồng (chỉ chiếm 1%) [2, tr. 31-32].

Do đó, Nhà nước cần phải có những giải pháp để tăng quy mô đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là từ nguồn ngân sách nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, chính sách pháp luật, chính sách ưu đãi để thu hút vốn đầu tư từ tư nhân và nguồn vốn FDI vào nông nghiệp; đồng thời tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại,... để thu hút vốn đầu tư, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp. Chính sách thu hút vốn đầu tư phát triển nông nghiệp cần tập trung vào các hướng chính là:

- Để tăng nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp thì trước hết Nhà nước cần phải tăng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp một cách tương xứng và đáp ứng được nhu cầu đầu tư, mở rộng sản xuất trong ngành nông nghiệp; đồng thời cần phải xác định rõ các hướng ưu tiên đầu tư vốn ngân sách cho các ngành sản xuất nông - lâm - thủy sản phù hợp với định hướng xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, tập trung và chất lượng cao, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả nguồn lực của Nhà nước.

- Cần mở rộng các hoạt động xúc tiến đầu tư với nước ngoài, đặc biệt là với các nước có thế mạnh về phát triển nông nghiệp như Trung Quốc, Thái Lan, Israel,...; tạo cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt về thuế, lao động, cơ sở hạ tầng, đơn giản hóa thủ tục hành chính để thu hút và hướng các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và nguồn vốn FDI để phát triển nông nghiệp, các ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất cho nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ pháp lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ thương mại,...

- Cần xây dựng, thành lập các quỹ đầu tư của cả nhà nước và tư nhân hoạt động với mô hình xã hội hóa nhằm mục đích phi lợi nhuận để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng và giá trị xuất khẩu cho hàng hóa nông sản của Việt Nam.

*Thứ ba, về đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong nông nghiệp*

Muốn tăng năng suất lao động, cải thiện chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, vấn đề cốt lõi bên cạnh việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thì việc tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp là giải pháp mang tính đột phá, là khâu then chốt để đẩy nhanh, đẩy mạnh hơn nữa quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhà nước cần phải có cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư vào công tác nghiên cứu và phát triển (R&D). Ngoài nguồn vốn đầu tư của nhà nước cho hoạt động R&D, cần phải thành lập và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm để tăng nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất cho người nông dân; hình thành và cải thiện chất lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ cho nông nghiệp; tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành nông nghiệp; thúc đẩy việc ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất nông nghiệp để đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế trong các hoạt động sản xuất, quản lý nông nghiệp.

#### *Thứ tư, về phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp*

Biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức to lớn với mọi quốc gia trên thế giới, nhất là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc, Việt Nam là một trong số 5 quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Với nền nông nghiệp còn chịu nhiều ảnh hưởng từ tự nhiên, Việt Nam cần chủ động, thường xuyên đánh giá và dự báo các tác động của biến đổi khí hậu, để kịp thời có những giải pháp hỗ trợ ngành nông nghiệp phát triển bền vững.

Có thể thấy trong những năm vừa qua biến đổi khí hậu ở nước ta diễn biến một cách phức tạp, khó lường. Chẳng hạn như năm 2017 là năm có số lượng các cơn bão nhiều bất thường với tổng cộng 16 cơn bão đã ảnh hưởng đến nước ta, gây ra thiệt hại khoảng 38,7 nghìn tỷ đồng, tương đương 2,7 tỷ USD; hay như vấn đề xâm nhập mặn, hạn hán khốc liệt ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ,... đã ảnh hưởng và tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.

Trong bối cảnh đó, sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam luôn đối mặt với những rủi ro rất lớn do biến đổi khí hậu mang lại, không chỉ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp mà còn ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân. Do vậy, để đảm bảo đời sống cho người nông dân, giúp cho họ có khả năng chống chịu khi phải đối mặt với rủi ro do thiên tai và thảm họa gây ra thì việc thiết lập và phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp là một trong những phương thức hiệu quả nhất. Bảo hiểm nông nghiệp sẽ là trụ đỡ, là công cụ tài chính gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ và chia sẻ rủi ro đối với người nông dân.

Ở Việt Nam, bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai từ rất sớm (1982), song cho đến nay bảo hiểm nông nghiệp chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ: chiếm 0,069 % năm 2004, khoảng 0,008 % năm 2005, gần 0,012 % năm 2006 và 0,01 %/năm cho giai đoạn 2007 – 2010 [1, tr. 218]. Từ năm 2011 đến năm 2013, chương trình bảo hiểm nông nghiệp được triển khai thực hiện thí điểm trên cây lúa, vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm) và thủy sản (cá tra, tôm sú, tôm chân trắng) ở 21 địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, có rất ít các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và người nông dân tham gia. Thực tế này cho thấy, hệ thống bảo hiểm nông nghiệp chưa đóng góp được nhiều cho nền nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Khó khăn lớn nhất trong việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay là do nhận thức chưa đúng và chưa đầy đủ của người nông dân về vai trò và tác dụng của bảo hiểm nông nghiệp; chi phí mua bảo hiểm còn cao so với khả năng chi trả của người nông dân; các doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp đứng trước rủi ro và nguy cơ thua lỗ nên không mặn mà đầu tư vào bảo hiểm nông nghiệp,...

Vì vậy, để có thể giải được bài toán bảo hiểm nông nghiệp, biến bảo hiểm nông nghiệp trở thành công cụ hữu hiệu giúp phát triển nông nghiệp bền vững và đảm bảo thu nhập cho người nông dân thì Nhà nước cần thiết lập khung chính sách pháp lý rõ ràng, minh bạch, tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm nông nghiệp. Nhà nước và cả hệ thống chính trị cần đẩy mạnh tuyên truyền để giúp cho người nông dân hiểu được vai trò và tầm quan trọng của bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng cơ chế, hỗ trợ nguồn kinh phí từ ngân sách cho các doanh nghiệp tham gia thị trường bảo hiểm nông nghiệp, cũng như trợ giá một phần phí bảo hiểm để giúp cho người nông dân có đủ nguồn lực tài chính để mua bảo hiểm nông nghiệp.

Việt Nam là nước nông nghiệp nên cần nghiên cứu thành lập một cơ quan của nhà nước phụ trách về vấn đề bảo hiểm nông nghiệp như ở Israel. Cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm quản lý ngân sách được cấp từ nhà nước, kêu gọi và thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng các chương trình bảo hiểm nông nghiệp, thiết kế các công cụ tài chính để hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm cho người nông dân và quan trọng nhất là cơ quan này phải có đầy đủ các công cụ chính sách trong việc đảm bảo các công ty bảo hiểm đánh giá đúng mức độ thiệt hại, đơn giản hóa các thủ tục bồi thường và chi trả mức bồi thường thiệt hại bằng tiền mặt cho người nông dân tối thiểu ở mức từ 60 – 90 % của sản lượng trung bình.

### 3. KẾT LUẬN

Đúc rút kinh nghiệm thực tiễn trong phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy rằng phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và có khả năng cạnh

tranh cao trên thị trường trong nước và thế giới là hướng đi đúng cho tất cả mọi quốc gia trên thế giới; đồng thời phát triển nông nghiệp bền vững cũng chính là lời giải cho bài toán những khó khăn, thách thức đang đặt ra của nền nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Phát triển nông nghiệp bền vững là xu thế tất yếu khách quan của Việt Nam không chỉ trong hiện tại mà cả ở tương lai, để đảm bảo thực hiện mục tiêu kép là hoàn thành quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển một nền nông nghiệp hiện đại dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ cao và nền sản xuất lớn; đồng thời đẩy nhanh tốc độ phát triển và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp để không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của người nông dân. Nông nghiệp Việt Nam hiện đang phải đối mặt với rất nhiều hạn chế, thách thức do quá trình đô thị hóa, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ... điều đó càng đòi hỏi chúng ta cần phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình hoàn thiện khung chính sách pháp lý, xây dựng các cơ chế hỗ trợ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp gắn với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái để đạt mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Phạm Thị Thanh Bình (Chủ biên) (2018). *Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019). *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [3] Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2019). *Tổng luận số 7/2019: Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia và một số khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh mới*.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [5] FAO (2010). *Climate – Smart Agriculture: Policies, Practices and Mitigation*, Rome.
- [6] Phạm Thị Khanh (Chủ biên) (2010). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Serey Mardy, Nguyễn Phúc Thọ, Chu Thị Kim Loan (2013). *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững và những bài học cho phát triển nông nghiệp ở Campuchia*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 11, số 3.
- [8] Nguyễn Chí Mỹ, Hoàng Xuân Nghĩa (2015). *Bốn hướng đột phá chính sách nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong giai đoạn hiện nay*, Website: [https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/97](https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/97) (Truy cập ngày 19/9/2020)
- [9] Trần Thùy Phương (2013). *Chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Israel*, Website: <http://iames.gov.vn/iames/tap-chi-nghien-cuu-chau-phi-va-trung-dong/nam-2013/ chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao-o-israel-phan-1-789.html> (Truy cập ngày 19/9/2020).
- [10] Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám Thống kê 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [11] Reuters (2018). *Diện tích đất nông nghiệp của Trung Quốc giảm năm thứ 4 liên tiếp trong năm 2017*, Website: <http://gappingworld.com/24421-Dien-tich-dat-nong-nghiep-cua-Trung-Quoc-giam-nam-thu-4-lien-tiep-trong-nam-2017> (Truy cập ngày 19/9/2020)
- [12] Anh Quân (2020). *Nông nghiệp – “Trụ đỡ của nền kinh tế Thái Lan”*, Website: <http://vinanet.vn/kinhte-taichinh/nong-nghiep-tru-do-cua-nen-kinh-te-thai-lan-727736.html> (Truy cập ngày 19/9/2020)
- [13] [vi.wikipedia.org](https://vi.wikipedia.org). *Nông nghiệp Israel*, Website: [https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%B4ng\\_nghi%E1%BB%87p\\_Israel](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p_Israel) (Truy cập ngày 19/9/2020)

## SUSTAINABLE DEVELOPMENT FOR AGRICULTURE – EXPERIENCE FROM SOME COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM

**Phung The Anh**

University of Sciences, Hue University

Email: anhpt@hcmute.edu.vn

### ABSTRACT

Several serious problems of the contemporary world such as the overpopulation, urbanization, environmental pollution, and climate change have challenged the agriculture all over the world. Getting the national agriculture developed sustainably is an obvious trend for every country, particularly for those which have used agriculture as the primary foundation for economic development. The sustainable development can help ensure an increase in productivity, food security, social security, and environmental pollution reduction.

For such a developing country like Vietnam with over 70% of the population living in the countryside and using agriculture as a starting basis for industrialization and modernization, it is very important and necessary to learn from the successful stories of other countries like China, Thailand, and Israel.

**Keywords:** Agriculture, sustainable development, Vietnam.



**Phùng Thế Anh** sinh ngày 12/6/1982 tại Quảng Trị. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2005, tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2010 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TPHCM; từ năm 2015 đến nay, ông là nghiên cứu sinh ngành Lịch sử Việt Nam, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay ông là giảng viên tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.